TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2021/HS-ST

Ngày 03 -12-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Bính.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương, bà Hà Thị Nở, bà Vũ Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải–Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lưu Xuân Trường, ông La Văn Xôm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/ QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021, đối với:

*** Bị cáo:** Họ và tên: **Lăng Văn Ng,** sinh năm 1979 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; đến tháng 4/2019, bị cáo Ng chuyển khẩu khỏi địa phương nhưng không đến Quận B, thành phố Hà Nội nhập khẩu như đăng ký. Ngoài ra bị cáo Ng còn sử dụng giấy tờ giả để nhập khẩu về phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình dưới một tên khác là Nguyễn Văn Ng vào tháng 2/2018. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn , sinh năm 1952, và con bà Lăng Thị Ch, sinh 1956; Có vợ Bùi Thị H, đã ly hôn. Ngoài ra Ng còn dùng giấy tờ giả để kết hôn với chị Bùi Thị Hoàng T (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009;

Tiền sự; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2021 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Công Hưởng – trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu *(có mặt).*

*** Bị hại:**

1. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 14, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị Thúy N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

3. Bà Hà Thị Hương L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn 7, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Phố T, phường Â, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

1. Ông Hà Hiếu T, sinh năm 1986. Địa chỉ: phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

2. Bà Cao Thị Thanh H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu 13, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

*** Người làm chứng.**

1. Bà Bùi Thị Hoàng T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 22, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2016, bị cáo Lăng Văn Ng xuất ngũ khỏi lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Khoảng đầu năm 2018, Lăng Văn Ng thông qua mạng xã hội facebook và zalo đã đặt mua 01 Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu giả (Mẫu HK02) ghi ngày 01/02/2018 đứng tên người viết phiếu là Nguyễn Văn Ng, sinh ngày07/3/1976, do Công an phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu cấp, phần xác nhận có giả chữ ký của Đại úy Phạm Huy G – Phó trưởng Công an Phường Q, thành phố L và hình dấu của Công an phường Q; 01 giấy chuyển hộ khẩu (phần cấp cho người chuyển hộ khẩu mẫu HK07), ghi ngày 01/01/2018 cấp cho Nguyễn Văn Ng, sinh 07/3/1976, do Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu cấp phần xác nhận có giả chữ ký của Thượng tá Nguyễn Viết A – Phó trưởng Công an thành phố L và hình dấu của Công an thành phố L. Cả hai giấy tờ giả trên, Ng không sử dụng họ và năm sinh theo lý lịch của mình, Ng đổi họ Lăng thành họ Nguyễn và năm sinh từ 1979 thành 1976. Sau đó, Ng sử dụng hai giấy tờ trên nhập khẩu vào gia đình chị Bùi Thị Hoàng T, sinh năm 1976 thuộc Tổ 22,

phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình *(Chị T không biết việc Ng sử dụng giấy tờ giả để nhập khẩu vào hộ khẩu của mình).*

Nhập khẩu vào hộ của chị T xong, Ng sử dụng Sổ hộ khẩu trên để làm 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh 07/3/1976, trú tại Tổ 13, phường T, thành phố H, tỉnh H và mở 01 tài khoản thẻ tại ngân hàng BIDV số tài khoản 45510000758571 mang tên Nguyễn Văn Ng. Cả chứng minh nhân dân và thẻ ngân hàng trên đều do các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp cho Ng, tuy nhiên về thông tin người được cấp là giả, không đúng với lý lịch của bị can Lăng Văn Ng.

Đến năm 2019 Ng tiếp tục đặt mua được 01 Thẻ đảng viên giả số 11.015962 mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/03/1976, quê quán xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (vào đảng ngày 19/5/2011), nơi cấp thẻ: Đảng bộ tỉnh Lai Châu, cấp ngày 19/5/2012 với giá 5.000.000 đồng; 01 Giấy chứng minh nhân dân giả số 045060306, mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/3/1972, nơi cấp Công an tỉnh Lai Châu, cấp ngày 20/9/2013 với giá 1.500.000 đồng. Đến khoảng tháng 5/2020, Ng tiếp tục đặt mua 01 Giấy chứng minh sỹ quan giả số 18186036 mang tên Nguyễn Văn Ng (cấp bậc Thượng tá, đơn vị cấp: Tổng cục 2), cấp ngày 15/8/2017 với giá 6.000.000 đồng.

Đến tháng 01/2021, Ng nhắn tin Zalo với một người không rõ lai lịch, Ng lưu tên là "BTTM", đặt mua 01 Thẻ đảng viên giả số 77028899 mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/3/1972, quê quán xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, ngày vào đảng 19/5/1992, nơi cấp thẻ: Đảng bộ quân đội, cấp ngày 02/9/2004 với giá 5.000.000 đồng và 01 Quyết định số 068 ngày 12/01/2021 của Quân đội nhân dân Việt Nam về việc bổ nhiệm cán bộ đối với đồng chí Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1972 lên chức Cụm trưởng Cụm điện báo số 2, Cục C16 thuộc Tổng cục 2 Bộ Quốc Phòng với giá 4.000.000 đồng. Nội dung ghi trên các giấy tờ trên đều là giả, không do các cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc ban hành theo quy định.

Ng đặt mua các giấy tờ giả trên mục đích sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức lên mạng xã hội làm quen giới thiệu mình là bộ đội, đang công tác tại Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng và đưa các giấy tờ giả đã mua cho các bị hại xem để tạo niềm tin. Sau đó, bằng hình thức lừa vay mượn tiền hoặc giúp các bị hại xin việc, chuyển công tác, "chạy án", trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 01/2021, Ng đã sử dụng giấy tờ giả, lừa đảo được tổng số tiền 565.000.000 đồng của các bị hại, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 8/2020, chị Hoàng Thị Thúy N là người làm công nhân hợp đồng tại nhà máy Z131 – Tổng cục công nghiệp – Bộ Quốc phòng gặp Lăng Văn Ng, qua nói chuyện Ng giới thiệu mình làm việc tại Tổng cục 2, Bộ quốc phòng. Sau đó, Nghĩa có cho chị N xem chứng minh sỹ quan quân đội mang tên Nguyễn Văn Ng. Do tin tưởng Ng nên chị N đã nhờ Ng xin cho mình chuyển từ công nhân hợp đồng thành công nhân viên chức Quốc

phòng tại nhà máy Z131 và xin việc cho con gái chị Nga là Nguyễn Thị Thu T vào làm trong nhà máy Z131. Ng đồng ý và bảo chị N phô tô hợp đồng lao động và các giấy tờ khác, làm hồ sơ kèm theo số tiền 100.000.000 đồng để xin chuyển thành công nhân viên chức Quốc phòng cho N.

Để xin việc cho Nguyễn Thị Thu T, Ng cũng yêu cầu làm một hồ sơ gồm giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, bằng đại học và kèm theo số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 11/10/2020, chị N đưa cho Ng số tiền 10.000.000 đồng và chuyển từ tài khoản Vietinbank 104002886808 sang tài khoản 45510000758571cho Ng số tiền 90.000.000 đồng. Đến ngày 18/10/2020, chị N tiếp tục dùng tài khoản của mình chuyển vào tài khoản của Ng số tiền 100.000.000 đồng và chuyển từ số tài khoản 100002886554 của chồng chị N là Nguyễn Văn A, sinh năm 1970 cùng trú tại Tổ dân phố Đại Cát sang cho Ng 100.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng của chị N, Ng có đưa các giấy tờ giả cho vợ chồng chị N để viết thông tin vào giấy biên nhận tiền. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, Ng đã chi tiêu vào mục đích cá nhân hết, đối với hồ sơ xin việc và chuyển chính thức mà chị N đưa, Ng không mang đi xin việc, cũng như xin chuyển chính thức cho chị N như thỏa thuận. Đến ngày 21/02/2021, Ng giao nộp các hồ sơ trên cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ hai: Năm 2018, Nghĩa quen chị Hà Thị Hương L qua mạng Facebook, sau đó hai người có lấy số điện thoại và thường xuyên liên lạc với nhau. Trong thời gian quen biết nhau, Ng luôn nói với L mình tên là Nguyễn Văn Ng, làm bộ đội tại Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng và thường xuyên gửi ảnh mặc quân phục cho L xem. Do tin tưởng Ng làm trong quân đội có mối quan hệ với lãnh đạo của tỉnh Yên Bái, nên khoảng tháng 10/2020, chị L đã nhờ Ng xin chuyển công tác cho mình từ huyện T, tỉnh Yên Bái về huyện V, tỉnh Yên Bái.

Ng bảo chị L làm hồ sơ chuyển công tác gồm: Quyết định nâng lương, bằng khen, chứng nhận giáo viên dạy giỏi, bằng đại học và quyết định tuyển dụng kèm theo số tiền 50.000.000 đồng để Ng xin chuyển công tác cho L. Đến ngày 13/11/2020, Ng sang nhà L lấy hồ sơ và được L chuyển số tiền 15.000.000 đồng từ số tài khoản 4551000075857 sang số tài khoản 45510000758571 của Ng. Đến ngày 21/11/2020, L tiếp tục chuyển khoản cho Ng số tiền 30.000.000 đồng, còn 5.000.000 Ng nói cho L. Sau khi chiếm đoạt được của chị L số tiền 45.000.000 đồng, Ng đã mang chi tiêu vào việc cá nhân của mình. Đối với hồ sơ xin chuyển công tác của chị L, Ng không mang đi nộp xin chuyển công tác, đến ngày 21/02/2021, Ng giao nộp hồ sơ trên cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ ba:Vào đầu năm 2020, Ng quen anh Hà Hiếu T, Ng giới thiệu mình là bộ đội công tác tại Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng và có cho T xem một thẻ ngành mang tên Nguyễn Văn Ng. Đến tháng 9 năm 2020, bạn của Trung là Nguyễn Xuân Đ bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xử phạt 02 năm tù giam về tội "Đánh bạc" quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự, biết T có quen Ng, nghĩ rằng Ng làm ở Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng có thể giúp Đ xin giảm án nên Đ đã nhờ T đứng ra nói chuyện để nhờ Ng giúp mình chạy án. Sau khi được T nhờ chạy án

cho bạn là Đ, Ng đã đồng ý. Ngày 30/12/2020, Ng gặp Đ và T tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ, Ng nói dối T là đã xin giảm án được cho Đ với giá là 150.000.000 đồng và bảo hai người chuyển tiền vào tài khoản 45510000758571 cho Ng. Vào ngày 30/12/2020 và các ngày 04, ngày 19 và 28/01/2021, T đã chuyển cho Ng tổng số tiền 150.000.000 đồng, trong đó có 120.000.000 đồng là tiền Đ đưa cho T còn 30.000.000 đồng là tiền T cho Đ vay. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên Ng đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Đối với bị hại chị Ngô Thị M, Ng sử dụng ních facebook tên "Trung Du" để làm quen với chị M. Đến khoảng tháng 10 năm 2020, Ng lấy lý do đi công tác qua Lai Châu và đến nhà chị M chơi. Ng nói mình là cán bộ của Cụm điện báo số 2 thuộc Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng và đưa chứng minh nhân dân, giấy chứng minh sỹ quan giả có các thông tin của một người tên Ng nhưng khác họ, năm sinh, nơi cư trú do Ngh đặt làm giả cho chị M xem. Sau khi được chị M tin tưởng, Ng nói dối chị M cần tiền chạy việc từ Cụm phó cụm điện báo số 2 lên Cụm trưởng và hỏi mượn của M số tiền 120.000.000 đồng, mục đích để chiếm đoạt số tiền trên. Do tin tưởng Ng, ngày 31/12/2020, chị M đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản số 100860587999 sang tài khoản 45510000758571 cho Ng. Sau đó, Ng đã rút số tiền này ra tiêu xài cá nhân hết.

Cuối tháng 01/2021, để tạo niềm tin, Ng đặt mua 01 Quyết định bổ nhiệm cán bộ số 068 ngày 12/01/2021 với nội dung Ng đã được bổ nhiệm lên chức Cụm trưởng Cụm điện báo số 2, Cục C16 thuộc Tổng cục 2 Bộ Quốc phòng với giá 4.000.000 đồng và 01 thẻ Đảng viên tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/3/1972 với giá 5.000.000 đồng. Sau đó Ng cho chị M xem ảnh chụp Quyết định bổ nhiệm giả, để chị M tin tưởng Ng đã chạy việc thành công. Thấy M không nghi ngờ, Ng tiếp tục lừa M, nói dối là còn nợ tiền xin việc và hỏi vay M số tiền 20.000.000 đồng, ngày 28/01/2021 M tiếp tục chuyển cho Ng số tiền 20.000.000 đồng, Ng đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Tại Công văn số 294/TC-ĐV ngày 17/3/2021 của Cục tổ chức – Tổng cục chính trị trả lời kết quả tra cứu thông tin thẻ đảng viên số 77028899 xác định: Đảng bộ quân đội không cấp thẻ đảng viên số 77028899 cho đảng viên mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/3/1972, quê quán xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, vào đảng ngày 15/9/1992.

Tại Công văn số 50/CB-HS, ngày 16/3/2021 trả lời kết quả tra cứu thông tin liên quan đến Quyết định bổ nhiệm số 068 mang tên Thượng tá Nguyễn Văn Ng thuộc Tổng cục 2. Kết quả sổ đăng ký quản lý Quyết định bổ nhiệm nhân sự từ ngày 01/01/2021 đến 15/3/2021 chưa có số 068 và trong các quyết định bổ nhiệm do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký ban hành không có tên Thượng tá Nguyễn Văn Ng thuộc Tổng cục 2.

Tại bản Kết luận giám định số 228/GĐ-KTHS ngày 01/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận:

+ Giấy chứng minh sỹ quan số 18186036 mang tên Nguyễn Văn Ng (cấp

bậc Thượng tá, đơn vị cấp: Tổng cục 2), cấp ngày 15/8/2017 là giấy chứng minh sỹ quan giả.

+ Thẻ đảng viên số 11015962 mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/03/1976, quê quán xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (vào đảng ngày 19/5/2011), nơi cấp thẻ: Đảng bộ tỉnh Lai Châu, cấp ngày 19/5/2012, là thẻ đảng viên giả.

+ Giấy chứng minh nhân dân số 045060306, mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/3/1972, nơi cấp Công an tỉnh Lai Châu, cấp ngày 20/9/2013 là giấy chứng minh nhân dân giả.

Tại bản Kết luận giám định số 286/GĐ-KTHS ngày 10/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận:

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Ng tại giấy nhận tiền giữa Ng và Nguyễn Văn A (Chồng của bị hại N) là chữ ký của bị can Lăng Văn Ng.

+ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (Mẫu HK02) ghi ngày 01/02/2018 Công an phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu cấp cho Nguyễn Văn Ng, không phải phiếu do Công an phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu cấp.

+ Giấy chuyển hộ khẩu (phần cấp cho người chuyển hộ khẩu mẫu HK07), ghi ngày 01/01/2018, Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu cấp cho Nguyễn Văn Ng không phải giấy do Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu cấp.

+ Thẻ đảng viên số 77028899 mang tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 07/3/1972, quê quán xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, ngày vào đảng 19/5/1992, nơi cấp thẻ: Đảng bộ quân đội, cấp ngày 02/9/2004 là thẻ đảng viên giả.

Tại bản Kết luận giám định số 301/GĐ-KTHS ngày 24/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: Quyết định số 068 ngày 12/01/2021 của Quân đội nhân dân Việt Nam về việc bổ nhiệm cán bộ đối với đồng chí Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1972 không phải Quyết định do Bộ trưởng Bộ quốc phòng ký ban hành.

Bản Cáo trạng số 38/ CT-VKS-P1 ngày 09/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lăng Văn Ng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đều nhất trí như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Tuy nhiên bị cáo trình bày bản thân bị cáo không trực tiếp đi lừa đảo mà do các bị hại tin tưởng, đưa tiền cho bị cáo, nhờ bị cáo xin việc và chạy án làm bị cáo nổi long tham nên dẫn đến phạm tội. Bị cáo biết là bị cáo đã vi phạm pháp luật song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho điều kiện hoàn cảnh phạm tội của bị cáo một phần cũng do các bị hại tạo ra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lăng Văn Ng phạm tội tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Về hình phạt:

Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản": Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52/ Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lăng Văn Ng mức án từ 12 đến 13 năm tù

Đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức": Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52/Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lăng Văn Ng mức án từ 03 đến 04 năm tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

Áp dụng khoản 5 Điều 174, khoản 4 Điều 341/BLHS miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự , Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xem xét trả lại cho chị Cao Thị Thanh H là chủ sở hữu hợp pháp chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy s10 plus màu đen vì điện thoại là của chị cho Ng mượn, việc Nghĩa sử dụng để làm giấy tờ giả và đi lừa đảo chị không hề hay biết. Buộc bị cáo phải bồi thướng số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Ngoài ra còn đề nghị miễn hình phạt bổ xung cho bị cáo, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa phát biểu quan điểm bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 54/ Bộ luật hình sự; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 54/ Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho cả 02 tội, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Người bị hại: Tại phiên tòa hôm nay, những người bị hại đều vắng mặt. Song tại cơ quan điều tra cả 04 người đã trình bày về việc Ng giả danh Bộ đội cục 2 cục tình báo thuộc bộ quốc phòng, tạo lòng tin với mọi người để mọi người lầm tưởng, khi mọi người nhờ giúp đỡ Nghĩa đều nhận lời, song khi giao tiền theo yêu cầu của Ng thì Ng dùng chi tiêu cá nhân mà không hề đi xin giúp theo thỏa thuận. Tại cơ quan Điều tra mọi người đều đề nghị buộc bị cáo trả lại số tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Ngoài ra không ai có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa hôm nay Anh Hà Hiếu T vắng mặt, song tại cơ quan điều tra anh T trình bày: Đầu năm 2020 do quen biết với Ng, Ng giới thiệu với T là mình là bộ đội công tác ở tổng cục 2, bộ Quốc phòng và cho T xem thẻ ngành mang tên Nguyễn Văn Ng và đã mời anh đến nhà chơi. Đến tháng 9 năm 2020 Nguyễn Văn Đa là bạn anh T sinh năm 1983, trú tại phố Tân Hưng, phường Âu Cơ, thị xã P, tỉnh Phú Thọ bị Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt 02 năm tù về tội

"Đánh bạc". Biết anh T quen biết Ng, nên nghĩ rằng Ng làm ở Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng có thể giúp Đa xin giảm án nên T nhờ chạy án cho Đa. Ngày 30/12/2020 Ng gặp anh T và Đ tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ và nói đã xin giảm án được cho Đ với giá là 150.000.000 đồng và bảo hai người chuyển tiền cho Ng. Anh T đã chuyển cho Ng 04 lần tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Trong đó Đ đưa cho T 120.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng là tiền của anh T cho Đ vay. Một thời gian sau T gọi điện thoại cho Ng nhưng không liên lạc được, anh đã trực tiếp đi tìm hiểu mới biết được Ng đã bị Công an tỉnh Lai Châu bắt giữ vì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi đó tôi mới nói với anh Đ là mình bị lừa rồi.

Chị Cao Thị Lan H trình bày: Vào cuối tháng 02 năm 2020 Lăng Văn Ng có gọi điện thoại cho chị và nhờ chị chuyển cho Ng số tiền 70.000.000 đồng cho chị Ngô Thị M để trả nợ, khi đó do không có tiền nên chị mới chuyển cho chị M 30.000.000 đồng. Việc Ng đi lừa mọi người lấy tiền chị không hề hay biết, chỉ đến khi Ng bị bắt chị mới biết.

Những người làm chứng: Tại phiên tòa hôm nay những người làm chứng đều vắng mặt. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra chị Nguyễn Thị Thúy H đã trình bày, việc chị N và anh A nhờ Ng xin việc cho cháu Nguyễn Thị Thu T và xin chuyển công nhân chính thức cho chị N là có thật, chị N và anh A đã chuyển cho Ng 300.000.000 đồng chị đều được nhờ làm chứng. Việc Ng lừa đảo gia đình chị N, anh A để chiếm đoạt tiền chị không hề hay biết, chị chỉ biết hai bên thỏa thuân xin việc giúp nhau, đến khi Ng bị Công an tỉnh Lai Châu bắt giữ về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chị mới biết.

Chị Bùi Thị Hoàng T khai rằng: Quá trình quen biết tìm hiểu nhau cho đến khi có tình cảm với Ng chị chỉ biết Ng là bộ đội. Tháng 12/2017 chị và Ng đã kết hôn đăng ký tại UBND phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình với tên là Nguyễn Văn Ng. Việc Ng dùng giấy tờ giả để đi đăng ký kết hôn chị không hề biết. Quá trình chung sống chị phát hiện Ng có giấy tờ là Lăng Văn Ng, chị có hỏi thì Ng trả lời giấy tờ phục vụ công tác vì Ng giới thiệu là bộ đội làm tình báo, chị cũng biết được mẹ của Ng là Lăng Thị C. Việc Ng sử dụng các giấy tờ giả và đi lừa đảo chị không hề hay biết. Đến tháng 3/ 2020 chị và Ng đã ly hôn hiện chị không liên hệ với Ng.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo và bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Khoảng đầu năm 2018 thông qua mạng xã hội Lăng Văn Ng đã đặt mua 07 loại giấy tờ giả gồm: 01 Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (Mẫu HK02); 01 giấy chuyển hộ khẩu (phần cấp cho người chuyển hộ khẩu mẫu HK07). Mục đích Ng đặt mua phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu và giấy chuyển hộ khẩu giả là để lừa dối các cơ quan chức năng chuyển khẩu về phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình dưới tên gọi khác là Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1976. Đến năm 2019 và làm thủ tục kết hôn với chị Bùi Thị Hoàng T. Ng tiếp tục đặt mua 02 Thẻ đảng viên giả, 01 Giấy chứng minh nhân dân giả; 01 Giấy chứng minh sỹ quan giả, 01 Quyết định bổ nhiệm giả. Sau đó, sử dụng các tài liệu, giấy tờ giả trên lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền **565.000.000 đồng** của các bị hại, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 8/2020, bằng hình thức lừa xin việc cho con gái chị Hoàng Thị Thúy N là Nguyễn Thị Thu T và xin chuyển biên chế chính thức cho chị N thành công nhân chính thức của nhà máy Z131- Tổng cục công nghiệp – Bộ Quốc phòng, Ng đã chiếm đoạt của Chị N số tiền 300.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 11/2020, bằng hình thức lừa xin chuyển công tác cho chị Hà Thị Hương L từ huyện T về công tác tại huyện V, tỉnh Yên Bái, Ng đã chiếm đoạt của Chị L số tiền 45.000.000 đồng.

Lần 3: Khoảng tháng 12/2020, bằng hình thức lừa xin giảm án cho Nguyễn Xuân Đ, Ng đã chiếm đoạt của Đ số tiền 150.000.000 đồng.

Lần 4: Khoảng cuối tháng 12/2020, bằng hình thức lừa vay mượn tiền để xin lên chức Cụm trưởng, Cụm điện báo số 2, Cục C16 thuộc Tổng cục 2 Bộ Quốc Phòng, Ng đã chiếm đoạt của Ngô Thị M số tiền 70.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lăng Văn Ng đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 174 BLHS và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 BLHS. Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 09/8/2021của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lăng Văn Ng về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 174 BLHS và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính, cũng như uy tín của các cơ quan hành chính Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, song muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động nên bị cáo bất chấp pháp luật, cố tình phạm tội. Bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do vậy bị cáo phải hoàn

toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là công tác giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình phạm tội từ 2018 đến khi bị bắt, bị cáo đã nhiều lần (04 lần) sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số tiền chiếm đoạt mỗi lần đều trên 20.000.000 đồng. Do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Sau khi phạm tội bị phát hiện, bị cáo cũng đã liên lạc tác động để gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho các nạn nhân (Tuy nhiên phần bồi thường khắc phục hậu quả không đáng kể so với số tài sản bị cáo đã chiếm đoạt). Bản thân đã có thời gian dài phục vụ trong quân đội, khi còn trong quân ngũ, năm 2002 bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì, do vậy khi lượng hình Hội đồng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân bị cáo không có công việc ổn định, kinh tế không có tài sản gì, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không khả thi, khó có thể thi hành án được. Do vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 174; khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự, miễm hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tài sản bị cáo đã lừa đảo, chiếm đoạt của các bị hại cụ thể như sau:

Buộc bị cáo trả lại cho chị Ngô Thị M 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng bị cáo đã bồi thường được 30 triệu đồng, bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị M số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo trả lại cho chị Hoàng Thị Thúy N số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng .

Buộc bị cáo trả lại cho chị Hà Thị Hương L 45.000.000 (bốn mươi năm triệu) đồng .

Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Xuân Đ150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

[5] Về vật chứng của vụ án: Gồm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 Plus màu đen, số IMEI 1:356261106954389, số IMEI 2:

356262106954387, trong máy gắn 02 thẻ sim Viettel và Vinaphone là chiếc điện thoại Lăng Văn Ng sử dụng liên hệ đặt làm các loại giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xét thấy đây là công cụ phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy cần tịch thu hóa giá xung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Áp dụng quy định tại điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 26.600.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch

Về các nội dung liên quan đến vụ án:

- Đối với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Thúy N, Nguyễn Văn A, Hà Thị Hương L, Nguyễn Xuân Đ, Hà Hiếu T qua điều tra xác định được các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa tiền cho bị can Ng mục đích để nhờ Ng xin việc, xin chuyển công tác và chạy án. Tuy nhiên sau đó các bị hại đã có đơn trình báo và chủ động khai báo với cơ quan điều tra về hành vi của mình, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với các bị hại về hành vi đưa hối lộ là phù hợp.

- Về nguồn gốc số giấy tờ giả thu giữ của Lăng Văn Ng, do Ng đặt mua trên mạng xã hội, Ng không biết lai lịch của những người này, đối với thông tin người gửi giấy tờ giả cho Ng ghi trên giấy chuyển phát, qua điều tra xác minh các thông tin trên đều là giả, không có thực, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án.

- Đối với Cao Thị Thanh H là người chuyển cho Ng số tiền 30.000.000 đồng để trả cho Ngô Thị M, qua điều tra xác định được H không biết việc Ng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu thập được 01 giấy đăng ký kết hôn và 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa Bùi Thị Hoàng T và Nguyễn Văn Ng. Ng khai, năm 2017, Ng đã đặt mua trên mạng 01 giấy chứng minh sỹ quan giả và sử dụng giấy chứng minh sỹ quan trên để đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị Hoàng Th. Sau đó, do không sử dụng đến nữa nên Ng đã cắt và vứt bỏ giấy chứng minh sỹ quan trên, nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Ng về hành vi phạm tội trên.

- Đối với chị Bùi Thị Hoàng T là người đã kết hôn và cho Lăng Văn Ng nhập khẩu vào sổ hộ khẩu của nhà mình với tên là Nguyễn Văn Ng. Qua điều tra xác định được, chị T không biết việc Ng sử dụng giấy tờ giả để kết hôn và nhập khẩu vào hộ của gia đình mình, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lăng Văn Ng phạm các tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lăng Văn Ng 03 năm tù về tội "sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và 12 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/02/2021.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tài sản bị cáo đã lừa đảo, chiếm đoạt của các bị hại cụ thể như sau:

Buộc bị cáo trả lại cho chị Ngô Thị M 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng bị cáo đã bồi thường được 30 triệu đồng, bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị M số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo trả lại cho chị Hoàng Thị Thúy N số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Buộc bị cáo trả lại cho chị Hà Thị Hương L 45.000.000 (bốn mươi năm triệu) đồng .

Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Xuân Đa 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu hóa giá xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy S10 Plus màu đen, số IMEI 1:356261106954389, số IMEI 2: 356262106954387, trong máy gắn 02 thẻ sim Viettel và Vinaphone (điện thoại cũ đã qua sử dụng)

(Tình trạng vật chứng như nội dung biên bản bàn giao giữa Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lai Châu và cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu ngày 13/8/2021)

4. Án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 26.600.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt những người bị hại. Báo cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết công khai lên Tòa án Cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- *TANDCC tại Hà Nội;*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Lai Châu;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;*
- *Cục THADS tỉnh Lai Châu;*
- *Công an tỉnh Lai Châu;*
- *Trại tạm giam C.A tỉnh;*
- *Bị cáo; Người bào chữa;*
- *Bị hại - NCQLNVLQ*
- *Lưu HSVA.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Bính